

Họ và tên:

Lớp:

Toán 2 – Bài 1: Ôn tập các số đến 100

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Số 45 được viết thành tổng nào dưới đây?

- A. $50 + 4$ B. $4 + 50$ C. $4 + 5$ D. $40 + 5$

Câu 2. Trong các số sau, số nào là số tròn chục?

- A. 53 B. 19 C. 60 D. 55

Câu 3. Dãy số nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?

- A. 93; 51; 60; 42 B. 60; 42; 51; 93 C. 42; 51; 60; 93 D. 42; 51; 93; 60

Câu 4. Trong các số sau, số nào không cùng nhóm với các số còn lại?

40; 50; 30; 63

- A. 40 B. 50 C. 30 D. 63

Câu 5. Dãy số nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?

- A. 12; 31; 50; 68 B. 12; 50; 31; 68 C. 12; 31; 68; 50 D. 68; 31; 50; 12

Câu 6. Dãy số nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé?

- A. 71; 54; 49; 36 B. 54; 49; 71; 36 C. 71; 49; 54; 36 D. 36; 54; 49; 71

Câu 7. Trong các số 74, 73, 66, 6, số lớn nhất là:

- A. 74 B. 66 C. 6 D. 73

Câu 8. Số 96 được đọc là:

- A. Chín mươi sáu B. Sáu mươi chín C. Chín mươi sáu D. Chín sáu

Câu 9. Cho ba chữ số 5, 2, 3. Dãy các số có hai chữ số khác nhau được lập từ các chữ số trên, xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 23, 25, 35, 52, 53 B. 23, 25, 32, 35, 52, 53
C. 52, 25, 32, 35, 23, 53 D. 53, 52, 35, 32, 25, 23

Phần II. Tự luận

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống.

- a) Bảy mươi chín: b) Tám mươi lăm:
c) Hai mươi bảy: d) Năm mươi ba:

Bài 2. Nói mỗi cách mô tả cấu tạo số với số tương ứng.



Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ trống.

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| a) 5 chục và 8 đơn vị viết là | b) 7 chục và 7 đơn vị viết là |
| c) 1 chục và 4 đơn vị viết là | d) 8 chục và 9 đơn vị viết là |

Bài 4. Tìm số thích hợp.

- Tìm một số biết số đó nhỏ hơn 63 và có chữ số hàng chục là 6. Số cần tìm là
- Tìm một số biết số đó nhỏ hơn 87 và có chữ số hàng chục là 8. Số cần tìm là
- Tìm một số biết số đó lớn hơn 46, nhỏ hơn 66 và có chữ số hàng đơn vị là 6. Số cần tìm là
- Tìm một số biết số đó lớn hơn 96 và có chữ số hàng chục là 9. Số cần tìm là

Bài 5. Cho các số: 92, 73, 3, 35. Hãy sắp xếp các số đó theo thứ tự:

- Từ bé đến lớn:
- Từ lớn đến bé:

Bài 6. Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ trống:

- a) $17 - 9 \dots 20 - 1$ b) $8 + 4 \dots 13 - 5$
c) $20 - 6 \dots 17 - 9$ d) $8 + 8 \dots 16 - 8$

----**HẾT**----

